UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ BÌNH MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1041/QĐ-UBND	*Bình Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai ngân sách quý 3 năm 2025 của xã Bình Minh

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã: Số 09/NQ-HĐND ngày 11/7/2025 về phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã, Phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2025 của xã Bình Minh; Số 10/NQ-HĐND ngày 11/7/2025 về phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025, năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của xã Bình Minh;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; Kế hoạch đầu tư công năm 2025; năm 2024 kéo dài sang năm 2025; giao nhiệm vụ đại diện chủ đầu tư/ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án đầu tư công của xã Bình Minh;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của xã Bình Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2025 của xã Bình Minh (*Theo các biểu chi tiết đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- UB MTTQ xã;
- Phòng ban, đơn vị SN thuộc xã;
- Trung tâm VHTTTT (để đăng bài);
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Trưởng thôn, Tổ dân phố;
- Lưu VT, KT (03).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH MINH

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 15 / 10 /2025 của UBND xã Bình Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**462,593**	**8,996**	**1.94**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	4,818	398	8.26
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6,848	934	13.64
3	Thu bổ sung	437,463	7,664	1.75
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*23,448*	*693*	2.96
	- Bổ sung có mục tiêu	*414,015*	*6,971*	1.68
4	Nguồn thực hiện CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang năm 2025	13,464		
5	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**465,683**	**36,662**	**7.87**
1	Chi đầu tư phát triển	162,257	3,200	1.97
	Chi từ nguồn đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	3,982	0	0.00
	Chi đầu tư XDCB	158,275	3,200	2.02
2	Chi thường xuyên	302,408	33,462	11.07
3	Dự phòng	1,018		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH MINH

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND xã Bình Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		**462,593**		**8,996**		**1.94**
I	**Các khoản thu 100%**		**4,818**		**398**		**8.26**
1	Phí, lệ phí		190		33		17.53
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		4,320				
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất		3,892				
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		308		365		118.41
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**		**6,848**		**934**		**13.64**
1	Các khoản thu phân chia		6,848		934		13.64
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		4,460		577		12.93
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		145				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		2,243		357		15.92
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng						
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**		**437,463**		**7,664**		**1.75**
1	Thu bổ sung cân đối		23,448		693		2.96
2	Thu bổ sung có mục tiêu		414,015		6,971		1.68

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH MINH

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 15 / 10 /2025 của UBND xã Bình Minh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**462,593**	**162,167**	**300,426**	**36,662**	**3,200**	**33,462**	**7.93**		**11.14**
	Trong đó:									
A	**Tổng chi cân đối ngân sách**	**48,578**	**3,892**	**44,686**	**33,462**	**0**	**33,462**	**68.88**		**74.88**
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	3,892	3,892			0				
1	Chi từ nguồn đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	3,892	3,892			0				
II	Chi thường xuyên	44,686		44,686	33,462		33,462	74.88		74.88
1	Chi giáo dục				14,359		14,359			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế				1,120		1,120			
4	Chi văn hóa, thông tin	1,554		1,554	281		281	18.08		18.08
5	Chi phát thanh, truyền thanh	17		17						
6	Chi thể dục thể thao	20		20						
7	Chi bảo vệ môi trường	4,950		4,950						
8	Chi các hoạt động kinh tế	2,849		2,849						
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	25,300		25,300	10,482		10,482	41.43		41.43
10	Chi cho công tác xã hội	1,871		1,871	6,790		6,790	362.93		362.93
11	Chi an ninh	3,336		3,336	375		375	11.24		11.24
12	Chi quốc phòng	1,935		1,935	56		56	2.89		2.89
13	Chi khác	1,838		1,838						
14	Dự phòng ngân sách	1,018		1,018						
B	**Chi mục tiêu từ ngân sách Thành phố**	**414,015**	**158,275**	**255,740**	**3,200**	**3,200**		**0.77**	**2.02**	
1	Chi đầu tư XDCB	158,275	158,275		3,200	3,200		2.02	2.02	
2	Chi kinh phí thường xuyên để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn	255,740		255,740						